

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ- ST  
Ngày: 06-5-2019.  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đào Nữ Ngọc Lan

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông: Châu Khiêng Sóc

Bà Trần Thị Ngọc Phượng

***Thư ký phiên tòa:*** Ông: Châu Chanh Đô Ra

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa:  
Ông: Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 117A, Ngõ Đức Kế, phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

2. ***Bị đơn:*** Ông Phạm Văn S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 5, ấp Vĩnh Cầu, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn ly hôn ngày 16-7-2018 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày: bà và ông Phạm Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 đến năm 2015 đăng ký kết hôn, quá trình chung sống bà và ông S có với nhau 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013, bà H và ông S hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2016 đến nay nguyên nhân chính là thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục bà H yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và

Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013. Cháu Phạm Hữu B hiện đang sống cùng ông Phạm Văn S, cháu Phạm Như H hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu B cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng, bà xin được nuôi dưỡng cháu H, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 13-9-2018 bị đơn ông Phạm Văn S trình bày: ông và bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện sống chung vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2015, quá trình chung sống vợ chồng ông và bà có với nhau 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013, quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xin ly hôn ông Phạm Văn S đồng ý ly hôn.

Về con chung: 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013. Cháu Phạm Hữu B hiện đang sống cùng ông Phạm Văn S, cháu Phạm Như H hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn ông xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, ông đồng ý cho bà H tiếp tục được nuôi dưỡng cháu H, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng cháu Phạm Hữu B muốn sống chung với cha là Phạm Văn S, sau khi cha mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H xin được vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn S Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp nhưng ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H xin được vắng mặt những vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn S; về con chung: xin được nuôi dưỡng cháu H, đồng ý giao cháu B cho ông S nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo lời khai của ông Phạm Văn S: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông S không có mặt tại phiên tòa theo lời khai ông S: Ông S đồng ý ly hôn, xin được nuôi dưỡng cháu B, đồng ý giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử (trễ 04 tháng 10 ngày) theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa đảm bảo quy định tại Điều 70 và Điều 72 BLTTDS năm 2015

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Phạm Văn S sống chung với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà H và ông S đều thừa nhận chi hạnh phúc một thời gian đầu, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S thường xuyên rượu chè, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Ngoài ra tại biên bản xác minh ngày 26-9-2019 do ông Nguyễn Văn Út cung cấp tình trạng hôn nhân như ông S và bà H trình bày. Ông S thống nhất ly hôn với bà H. Từ đó cho thấy rằng tình trạng cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông S đã có những mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông S có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013. Cháu Phạm Hữu B hiện đang sống cùng anh Phạm Văn S, cháu Phạm Như H hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn bà H, ông S thống nhất giao cháu H cho bà H chăm sóc, cháu B cho ông S chăm sóc và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B, không cấp dưỡng nuôi con chung. Đề xuất thống nhất thỏa thuận của bà H và ông S về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử PH tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn S cư trú tại ấp Vĩnh Cầu, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Ngọc H

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Phạm Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2015 đúng theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng, bà H và ông S có với nhau 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013, Quá trình chung sống bà H và ông S hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2016, nay bà H xin ly hôn, ông S đồng ý thuận tình ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 26-9-2018 tại ban ấp Vĩnh Cầu, xã Vĩnh Gia ông Nguyễn Văn Út – phó ban ấp Vĩnh Cầu, xã Vĩnh Gia cho biết cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Bà H và ông S có 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013, hiện nay cháu B đang do ông S chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu H hiện đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa bà H và ông S không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa ông và bà không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc H về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: 02 con chung tên Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013. Cháu Phạm Hữu B hiện đang sống cùng ông Phạm Văn S, cháu Phạm Như H hiện đang sống cùng bà H. Khi ly hôn ông S xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, bà H đồng ý và yêu cầu của ông phù hợp với nguyện vọng của cháu B, còn cháu H bà H xin được tiếp tục nuôi dưỡng, ông S đồng ý, không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu B hiện nay đang sống cùng ông S và nguyện vọng của cháu muốn được sống cùng cha là ông S sau khi cha mẹ ly hôn, còn cháu H đang sống cùng bà H. Quá trình tố tụng bà H và ông S không tranh chấp về con chung, vì vậy nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện của các cháu Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Phạm Hữu B cho ông Phạm Văn S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Như H cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà H và ông S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Giao cháu Phạm Hữu B, sinh ngày 02-11-2008 cho ông Phạm Văn S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung

Giao cháu Phạm Như H, sinh ngày 02-8-2013 cho Bà Trần Thị Ngọc H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Văn S không cấp dưỡng nuôi con chung

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001676 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban NH dân xã Vĩnh Gia  
huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**